TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2022/QĐST-HNGĐ	*Y, ngày 01 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 2 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Điều 212, Điều 213; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1**.** Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T1.

2**.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T1 có 01 con chung. Vợ chồng ly hôn chị T và anh T1 cùng thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Bùi Đại N, sinh ngày 13/12/2018 cho anh Bùi Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T1 chưa yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom gây ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

c. Về tài sản, công nợ chung: Không có.

d. Về án phí: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T1 mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng chị T tự nguyện nhận nộp cả phần án phí của anh T1 nên số tiền án phí chị T phải nộp là 150.000 đồng, chị T được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002138 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Chị T còn được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Hảo